

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2017 về việc ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Số 48 đường T, tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại: KHOA 60 – 7750310 Oi – T 19 K T – Japan, về Việt Nam và hiện lưu trú tại địa chỉ đã đăng ký HKTT trước đó: Số 48 đường T, tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/10/2017 (Bị đơn về Việt Nam tham gia hoà giải);

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1988, địa chỉ cư: Số 48 đường T, tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994, nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, hiện trú tại: KHOA 60 – 7750310 Oi – T 19 K T – Japan, về Việt Nam và hiện lưu trú tại địa chỉ đã đăng ký HKTT trước đó: Số 48 đường T, tổ dân phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/10/2017.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy P và chị Trần Thị T đã thỏa thuận ly hôn

- Về con chung: Anh Nguyễn Duy P và chị Trần Thị T đã thống nhất giao Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/01/2012 cho anh Nguyễn Duy P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi Nguyễn Ngọc Bảo T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp : Anh Nguyễn Duy P chịu số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, còn được nhận lại 150.000 đồng trong số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp tại biên lai số 0000078 ngày 15/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị Trần Thị T chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P9);
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Hữu Tuyển**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).